



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình : Chương trình đào tạo Cử nhân Quản trị kinh doanh
Trình độ đào tạo : Đại học chính quy
Ngành đào tạo : Quản trị kinh doanh
Mã số : 734 01 01

(Chương trình đào tạo này đã được ban hành theo Quyết định số 1273/QĐ-ĐHTL ngày 22 tháng 09 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Thủy lợi)

1. Mục tiêu

Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Cử nhân Quản trị kinh doanh nhằm cung ứng cho xã hội đội ngũ lao động trình độ cao đủ năng lực đảm nhận các vị trí quản lý trong các tổ chức, doanh nghiệp thuộc các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế của đất nước.

Mục tiêu cụ thể

- Mục tiêu 1 (MT1): Nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên- xã hội, có tư duy hệ thống, phân tích phản biện, kiến thức chuyên môn toàn diện về kinh doanh và quản lý;
- Mục tiêu 2 (MT2): Có khả năng thích nghi và tự học tập thông qua hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực về kinh doanh và quản lý;
- Mục tiêu 3 (MT3): Có khả năng làm việc độc lập, giải quyết vấn đề về vận hành và quản lý trong tổ chức, doanh nghiệp thuộc các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh;
- Mục tiêu 4 (MT 4): Có đạo đức, trách nhiệm xã hội, có năng lực cộng tác, hoạch định phát triển bản thân và hội nhập quốc tế.

2. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo, người học có kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, phẩm chất đạo đức sau:

2.1. Kiến thức

Kiến thức đại cương

- CĐR1: Nắm vững những kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật của Nhà nước; quốc phòng, an ninh.
- CĐR2: Vận dụng được các kiến thức chung (toán, xác suất thống kê, công nghệ thông tin, khoa học xã hội) vào việc tính toán, mô phỏng, phân tích, tổng hợp các vấn đề kinh tế, kinh doanh và quản lý.

Kiến thức cơ sở khối ngành, cơ sở ngành, chuyên ngành

- CĐR3: Vận dụng được những kiến thức về kinh tế, kinh doanh và quản lý, kiến thức chuyên môn về các lĩnh vực quản trị trong tổ chức, doanh nghiệp như: Quản trị chiến lược, Quản trị tác nghiệp, Quản trị marketing, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị tài chính, Quản trị dự án, Quản trị rủi ro, Quản trị chất lượng.
- CĐR4: Vận dụng được những kiến thức chuyên môn sâu về một trong hai lĩnh vực: quản trị marketing, quản trị kinh doanh quốc tế. Cụ thể như sau:

**** Chuyên ngành Quản trị marketing***

- CĐR4.1: Vận dụng được kiến thức về nghiên cứu marketing, xây dựng và quản lý hệ thống thông tin marketing; phương pháp và quy trình phân tích môi trường marketing trong nước và quốc tế; kiến thức về thị trường và hành vi người tiêu dùng; phương pháp, quy trình và nội dung phát triển các chiến lược và kế hoạch marketing; nội dung và quy trình quản trị các hoạt động marketing cụ thể như quản trị và phát triển sản phẩm, quản trị thương hiệu, quản trị giá, quản trị kênh phân phối và bán hàng và quản trị truyền thông marketing, quản trị quan hệ khách hàng,...; kiến thức về tổ chức thực hiện và hệ thống chỉ tiêu, phương pháp kiểm tra đánh giá hoạt động marketing.

**** Chuyên ngành Quản trị kinh doanh quốc tế***

- CĐR4.2: Vận dụng được kiến thức về môi trường kinh doanh, đầu tư, thương mại, tài chính quốc tế; kiến thức về quản trị các nguồn lực, tổ chức, vận hành các hoạt động kinh doanh quốc tế từ lập kế hoạch, thiết kế, đến thực hiện các nghiệp vụ trong chuỗi cung ứng toàn cầu; các kỹ thuật xây dựng chiến lược kinh doanh toàn cầu trong môi trường đa

văn hóa, cách thức xâm nhập thị trường nước ngoài và các kiến thức nghiệp vụ cụ thể như thanh toán quốc tế, bảo hiểm ngoại thương, tranh chấp trong thương mại quốc tế.

2.2. Kỹ năng

Kỹ năng nghề nghiệp

CĐR5: Có kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá dữ liệu/thông tin để giải quyết vấn đề hoặc ra quyết định trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.

CĐR6: Có khả năng thực hiện các nghiệp vụ quản trị kinh doanh đơn giản, thường xuyên xảy ra, có tính quy luật, dự báo được trong doanh nghiệp một cách khoa học và hiệu quả.

CĐR7: Có kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế khi phân tích và xử lý các tình huống quản trị kinh doanh trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.

CĐR8: Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

Kỹ năng Tin học, Ngoại ngữ

CĐR9: Có khả năng sử dụng hiệu quả các công cụ và phần mềm chuyên dụng trong công việc, đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

CĐR10: Có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc, đạt năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 của Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam hoặc tương đương.

Kỹ năng mềm:

CĐR11: Có khả năng thành lập, tổ chức và vận hành, đánh giá chất lượng công việc của nhóm làm việc và các thành viên theo yêu cầu.

CĐR12: Có khả năng truyền đạt vấn đề và giải pháp bằng văn bản hoặc các phương tiện truyền tin khác tới các cá nhân và tổ chức tại nơi làm việc.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

CĐR13: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi tại doanh nghiệp, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm đối với các nhiệm vụ được giao.

CĐR14: Có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác

định.

CĐR15: Có khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức để phát triển và thử nghiệm những giải pháp quản trị mới, khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

CĐR16: Có khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2.4. Phẩm chất đạo đức

CĐR17: Có đạo đức, trách nhiệm xã hội và tuân thủ pháp luật.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa và thời gian đào tạo

- Tổng số tín chỉ: 130

- Thời gian đào tạo: 4 năm (8 học kỳ)

Học kỳ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	Tổng số
Số tín chỉ	15	15	19	18	19	17	17	10	130

- Phân bổ khối lượng kiến thức:

TT	Học phần	Tín chỉ
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	32
I.1	Lý luận chính trị	13
I.2	Kỹ năng	5
I.3	Khoa học tự nhiên và tin học	8
I.4	Tiếng Anh	6
I.5	Giáo dục quốc phòng	165t
I.6	Giáo dục thể chất	5
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	98
II.1	Cơ sở khối ngành	21
II.2	Kiến thức cơ sở ngành	8
II.3	Kiến thức ngành	36
II.4	Kiến thức tự chọn	8
II.5	Thực tập và học phần tốt nghiệp	10
II.6	Kiến thức chuyên ngành	15
II.6.1	Quản trị kinh doanh quốc tế	15
II.6.1	Quản trị Marketing	15
	Tổng cộng (I + II)	130

4. Đối sánh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo

Đối sánh chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra CTĐT ngành QTKD của ĐHTL	Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của các Trường										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
CĐR 1	x	x	x	x							
CĐR 2	x		x	x	x		x	x	x	x	
CĐR 3			x	x	x	x	x				x
CĐR 4	x	x		x	x		x	x		x	
CĐR 5			x			x	x		x		x
CĐR 6		x	x	x		x		x	x	x	x
CĐR 7	x			x		x					
CĐR 8	x			x	x						
CĐR 9	x	x	x	x		x		x	x		x
CĐR 10	x	x	x	x	x	x	x			x	
CĐR 11		x	x		x	x		x	x		x
CĐR 12	x	x	x	x	x		x			x	
CĐR 13	x	x		x		x		x	x		x
CĐR 14		x	x	x			x			x	
CĐR 15	x		x	x			x	x		x	x
CĐR 16		x	x	x			x		x		x
CĐR17	x	x	x	x		x	x				

Đối sánh chương trình đào tạo

Khối kiến thức	Số tín chỉ											
	Trường ĐHTL	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Giáo dục đại cương	32	32	42	29	37	27	47	42	13	20	4	12
Lý luận chính trị	13	10	10	10	10	10	12		2			4
Kỹ năng	5	0	3		3				4			4
Khoa học tự nhiên và tin học	8	11	18	7	13	10	29	22		20		4
Tiếng Anh	6	9	15	6	14	7	6	20	4			
Giáo dục quốc phòng an ninh	165t	8	165t	3	4		5					
Giáo dục thể chất	5	4	150t	8	8		10		2			
Giáo dục chuyên nghiệp	98	86	93	102	93	87	87	120	122	140	45	61
Cơ sở khối ngành	21	21	6	14	14	6	46	35	49	20	65	12
Kiến thức cơ sở ngành	8	9	12	25	14	9	31	34		20	15	8
Kiến thức ngành	36	30	24	33	27	38	15	20		20	15	11
Học phần tốt nghiệp	10	10	9	10	6	10	6	10		40	7	7

Khối kiến thức	Số tín chỉ											
	Trường ĐHTL	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Kiến thức chuyên ngành (chọn 1 trong 2 chuyên ngành: Quản trị marketing, Quản trị kinh doanh quốc tế)	15	12	30	6	27	18	20	24	33	20	8	15
Kiến thức tự chọn	8	9	9	3	5	6	13	8	18	20		8

Ghi chú:

- (1) Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2021);
- (2) Trường Đại học Ngoại thương (2021);
- (3) Trường Đại học Thương Mại (2019);
- (4) Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội (2020);
- (5) Đại học Bách khoa Hà Nội (2019);
- (6) Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (2021);
- (7) Mahidol University, Thailand (2020)
- (8) Malaya University, Malaysia (2021);
- (9) York St University, England (2021);
- (10) California State University, San Bernardino, USA (2020);
- (11) University of San Francisco, USA – Bachelor Business Administration (2021).

5. Đối tượng và tiêu chí tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh và hình thức xét tuyển được đăng tải trên website <http://ts.tlu.edu.vn/>

*** Đối tượng tuyển sinh**

- Thí sinh có đủ điều kiện tham gia tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*** Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.

*** Phương thức tuyển sinh:**

- Trường Đại học Thủy lợi tổ chức xét tuyển ngành Quản trị kinh doanh theo 3 phương thức sau:

Phương thức 1: Xét tuyển thẳng dành cho 5 nhóm đối tượng

- Đối tượng 1: Những thí sinh thuộc các đối tượng xét tuyển thẳng theo quy định trong

Quy chế tuyển sinh trình độ Đại học, cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Đối tượng 2: Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích tại các kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố một trong các môn thuộc tổ hợp xét tuyển của Nhà trường hoặc môn Tin học hoặc đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích tại kỳ thi khoa học kỹ thuật cấp Tỉnh/Thành phố;

- Đối tượng 3: Thí sinh học tại các trường chuyên;

- Đối tượng 4: Thí sinh có học lực xếp loại giỏi 3 năm lớp 10, 11, 12;

- Đối tượng 5: Thí sinh có học lực xếp loại khá trở lên năm lớp 12, đạt chứng chỉ tiếng Anh IELTS từ 5.0 trở lên hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương.

(Trừ đối tượng 1; các đối tượng 2,3,4,5 xét tuyển theo chỉ tiêu dành cho phương thức và dựa vào điểm trung bình học tập 03 năm THPT và điểm cộng tương ứng với mỗi đối tượng)

Phương thức 2: Xét tuyển dựa trên kết quả học THPT (Xét tuyển dựa vào tổng điểm trung bình 03 năm các môn trong tổ hợp xét tuyển tương ứng)

- Ngưỡng nhận hồ sơ: tùy theo Quy định của Hội đồng tuyển sinh Nhà trường

- Trong trường hợp nhiều thí sinh đạt cùng ngưỡng điểm thì thứ tự ưu tiên là môn Toán

- Cách tính Điểm xét tuyển (ĐXT): $ĐXT = (M1 + M2 + M3 + ĐUT) \cdot M_i = (T_{Bi_lớp\ 10} + T_{Bi_lớp\ 11} + T_{Bi_lớp\ 12})/3$, trong đó: $i=1\div3$, là số môn trong tổ hợp xét tuyển; T_{Bi} : Điểm TB năm môn i ; M_i : Điểm trung bình 3 năm môn i ; ĐXT: Điểm xét tuyển; ĐUT: Điểm ưu tiên.

Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT

- Điểm chuẩn trúng tuyển theo các tổ hợp môn xét tuyển là như nhau;

- Có điểm trúng tuyển theo ngành, theo cơ sở đào tạo.

- Thí sinh có điểm tổng các môn thi thuộc kỳ thi tốt nghiệp THPT của tổ hợp xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng của Nhà trường, được xét từ cao xuống thấp đến đủ chỉ tiêu theo quy định. Trường hợp số thí sinh bằng điểm nhau nhiều hơn chỉ tiêu thì xét ưu

tiên điểm môn Toán.

Xét tuyển theo các nguyện vọng của thí sinh đã đăng ký (xếp theo thứ tự ưu tiên trên Phiếu ĐKXT): Nếu thí sinh đã trúng tuyển theo nguyện vọng xếp trên thì sẽ không được xét các nguyện vọng tiếp theo. Điểm chuẩn trúng tuyển vào một ngành chỉ căn cứ trên kết quả điểm xét của thí sinh và chỉ tiêu, vị trí các nguyện vọng của các thí sinh có giá trị như nhau.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

*** Quy trình đào tạo**

Quy định chung

Trường Đại học Thủy lợi tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Chương trình đào tạo (CTĐT) Ngành Quản trị kinh doanh được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp. Các Học phần trong CTĐT bao gồm hai loại: Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu và bắt buộc Người học phải tích lũy; Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng Người học được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tuỳ ý để tích lũy đủ số học phần theo quy. Khối lượng học tập của người học được tính theo đơn vị tín chỉ. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp. Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ người học phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân. Một tiết học được tính bằng 50 phút.

Thời gian hoạt động giảng dạy của trường được tính từ 07 giờ 00 đến 21 giờ 30 hằng ngày.

Tuỳ theo số lượng Người học, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của trường, Trường phòng Đào tạo sắp xếp thời khóa biểu cho các lớp.

Tổ chức đào tạo

Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính chia làm 2 giai đoạn, mỗi giai đoạn gồm 8 tuần thực học và 2 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, Nhà trường còn bố trí và 3

học kỳ song song để người học có điều kiện được học lại; học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

Thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo ngành QTKD là 6 năm. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

Đầu mỗi năm học, Nhà trường thông báo Lịch trình dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, từng người học phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó với Phòng đào tạo của trường thông qua hệ thống phần mềm đăng ký học (dangky.tlu.edu.vn). Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi người học phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

- a) 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những người học được xếp hạng học lực bình thường;
- b) 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những người học đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.
- c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với người học ở học kỳ phụ.

Người học đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của những người học xếp hạng học lực bình thường. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của chương trình đào tạo. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký chỉ được chấp nhận sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính. Ngoài thời hạn trên học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu Người học không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F. Người học có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm A, B, C hoặc D. Người học có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

Người học xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép gửi

Trường Khoa trong vòng một tuần kể từ ngày ốm, kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế trường, hoặc y tế địa phương hoặc của bệnh viện.

Xếp hạng năm đào tạo và học lực

Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, Người học được xếp hạng năm đào tạo như sau:

- a) Người học năm thứ nhất: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 30 tín chỉ;
- b) Người học năm thứ hai: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 30 tín chỉ đến dưới 60 tín chỉ;
- c) Người học năm thứ ba: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 60 tín chỉ đến dưới 90 tín chỉ;
- d) Người học năm thứ tư: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 90 tín chỉ đến dưới 130 tín chỉ;

Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, Người học được xếp hạng về học lực như sau:

- a) Hạng trung bình: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.
- b) Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00, nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng Người học về học lực.

Nghỉ học tạm thời

1. Người học được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

- a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;
- b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế;
- c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, Người học phải học ít nhất một học kỳ ở trường,

không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân được tính vào thời gian học chính thức.

2. Người học nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới .

Bị buộc thôi học

1. Sau mỗi học kỳ, Người học bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học; đạt dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo hoặc đạt dưới 1,10 đối với 2 học kỳ liên tiếp;

b) Có điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với Người học năm thứ nhất; dưới 1,40 đối với Người học năm thứ hai; dưới 1,60 đối với Người học năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với Người học các năm tiếp theo và cuối khoá;

c) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường

d) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách Người học của trường.

2. Chậm nhất là một tháng sau khi Người học có quyết định buộc thôi học, Nhà trường ra thông báo trả về địa phương nơi Người học có hộ khẩu thường trú.

Học cùng lúc hai chương trình

1. Người học học cùng lúc hai chương trình là Người học có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất;

c) Người học không thuộc diện xếp hạng học lực yếu ở chương trình thứ nhất;

3. Người học đang học thêm chương trình thứ hai, nếu rơi vào diện bị xếp hạng học lực yếu của chương trình thứ hai, phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

4. Thời gian tối đa được phép học đối với Người học học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất. Khi học chương trình thứ hai, Người học được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

5. Người học chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp

Chuyển trường

1. Người học được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc Người học có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà Người học đang học;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến;

d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định dưới đây

2. Người học không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a) Người học đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến;

b) Người học thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;

c) Người học năm thứ nhất và năm cuối khóa;

d) Người học đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

*** Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp**

Những Người học có đủ các điều kiện sau thì được Nhà trường xét và công nhận tốt nghiệp:

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- b) Tích lũy đủ số học phần trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh với khối lượng 130 tín chỉ
- c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- d) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục - thể thao.

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định trên để lập danh sách những Người học đủ điều kiện tốt nghiệp. Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo làm Thư ký và các thành viên là các trưởng khoa chuyên môn, Trưởng phòng Công tác chính trị và Quản lý người học.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những Người học đủ điều kiện tốt nghiệp.

*** Cấp bằng tốt nghiệp**

1. Người học hoàn thành chương trình đào tạo Ngành Quản trị kinh doanh được cấp Bằng Cử nhân Quản trị kinh doanh. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

- a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- d) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

2. Hạng tốt nghiệp của những Người học có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của Người học được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm ghi chuyên ngành mà người học đăng ký theo học

4. Người học còn nợ chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. Người học không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của trường. Những Người học này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định.

7. Cách thức đánh giá

*** Đánh giá học phần**

Hình thức đánh giá

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

2. Đối với các học phần thực hành: Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ

phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Cuối mỗi học kỳ, trường tổ chức một kỳ thi chính. Người học vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những Người học này khi được trường khoa cho phép được dự thi một lần ở kỳ thi sau đó (nếu có). Người học vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được trường khoa cho phép, được dự thi ở kỳ thi sau đó (nếu có), điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu.

Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:

A (8,5 - 10) Giỏi

B (7,0 - 8,4) Khá

C (5,5 - 6,9) Trung bình

D (4,0 - 5,4) Trung bình yếu

b) Loại không đạt: F (dưới 4,0) Kém

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I: Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X: Chưa nhận được kết quả thi.

d) Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh

giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

3. Việc xếp loại các mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

- a) Đối với những học phần mà Người học đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;
- b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó Người học được giảng viên cho phép nợ;
- c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như trên, còn áp dụng cho trường hợp Người học vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

5. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

- a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, Người học bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được Trường Khoa cho phép;
- b) Người học không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được Trường Khoa chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, Người học nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp Người học chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà Phòng Đào tạo của trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của Người học từ khoa chuyển lên.

7. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

- a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp Người học học vượt.
- b) Những học phần được công nhận kết quả, khi Người học chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

*** Đánh giá kết quả học tập**

Kết quả học tập của người học được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà người học đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).
2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà người học đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.
3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B, C, D tính từ đầu khóa học.
4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D mà người học đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Cách tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số như sau:

A tương ứng với 4

B tương ứng với 3

C tương ứng với 2

D tương ứng với 1

F tương ứng với 0

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực Người học và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

8. Nội dung chương trình

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Học kỳ
1. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				
1	Pháp luật đại cương	Học phần cung cấp các lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật, bao gồm nguồn gốc, bản chất và chức năng của nhà nước nói chung và Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cũng như pháp luật Việt Nam; cung cấp kiến thức về các ngành luật thiết yếu như Hiến pháp, Hình sự, Dân sự.	2 (1-1-0)	1
2	Triết học Mác - Lê Nin	Học phần giúp người học hiểu sơ lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học, nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin.	3(2-1-0)	1
3	Kinh tế chính trị Mác – Lê Nin	Học phần giúp người học hiểu được nội dung học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa	2 (2-0-0)	2
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần giúp người học hiểu được nội dung về chủ nghĩa xã hội và nhận định về chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.	2 (2-0-0)	3
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần cung cấp hệ thống quan điểm tư tưởng, chủ trương, chính sách của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay.	2 (2-0-0)	4
6	Tư tưởng Hồ Chí	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh liên quan đến con đường cách mạng Việt Nam, xây	2 (1-1-0)	5

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Học kỳ
	Minh	dựng Đảng Cộng sản, nhà nước Việt Nam, đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, văn hóa và đạo đức; giúp người học nhận thức được tầm quan trọng của việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.		
7	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về kỹ năng giao tiếp và thuyết trình, bao gồm các kỹ năng như: kỹ năng tạo ấn tượng ban đầu, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng phản hồi, kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, kỹ năng thuyết trình, nhằm vận dụng vào học tập, công việc, cuộc sống để có thể tự tin và làm việc tốt hơn	3 (2-1-0)	2
8	Kỹ năng đàm phán	Với các nội dung chính bao gồm khái niệm và nguyên tắc đàm phán, phong cách, chiến lược, chiến thuật, yếu tố ảnh hưởng, giai đoạn đàm phán, và các kỹ năng như lắng nghe, quan sát, đặt câu hỏi, giải quyết bất đồng và thuyết phục, học phần này trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về đàm phán, giúp nâng cao khả năng đàm phán trong kinh doanh.	2 (1-1-0)	3
Khoa học tự nhiên và tin học				
9	Toán cho các nhà kinh tế	Học phần trang bị cho người học các khái niệm cơ bản về giải tích một biến và nhiều biến, cùng với kiến thức về chuỗi số, chuỗi hàm, triển khai Taylor và ứng dụng. Người học sẽ phát triển kỹ năng giải bài tập liên quan đến lý thuyết giải tích và hiểu cách vận dụng kiến thức này vào tính toán, mô phỏng, phân tích và tổng hợp các vấn đề kỹ thuật chuyên ngành.	3 (2-1-0)	1
10	Tin học cơ bản	Học phần này giúp người học sử dụng thành thạo máy tính trong các công việc như soạn thảo văn bản, sử dụng bảng tính điện tử, khai thác và sử dụng Internet, cũng như công cụ trình chiếu và các phần mềm ứng dụng khác. Bên cạnh đó, người học còn hiểu rõ cách thức hoạt động cơ bản của hệ điều hành Windows, từ đó nâng cao khả năng vận dụng công nghệ thông tin trong công việc và học tập.	2 (1-1-0)	1
11	Xác suất thống kê	Học phần này giúp người học hiểu và vận dụng phép thử ngẫu nhiên, mối quan hệ giữa các biến cố, cùng với các công thức tính xác suất; nắm được các hàm phân phối của biến ngẫu nhiên, phân tích và tính toán các số đặc trưng, cũng như hiểu các phân phối xác suất thường gặp	3 (2-1-0)	2

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Học kỳ
		và ứng dụng của chúng; mô tả dữ liệu thống kê, tính toán phân phối của thống kê mẫu, ước lượng tham số thống kê và thực hiện kiểm định giả thiết.		
12	Tiếng Anh 1	Học phần cung cấp và rèn luyện cho sinh viên một số kiến thức và kỹ năng cơ bản của nửa đầu chương trình B1.	3 (0-3-0)	3
13	Tiếng Anh 2	Học phần cung cấp và rèn luyện cho sinh viên một số kiến thức và kỹ năng cơ bản của nửa sau chương trình B2.	3 (0-3-0)	4
2. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				
2.1. Kiến thức Cơ sở khối ngành				
14	Nguyên lý kinh tế vi mô	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về cung cầu và giá cả thị trường và ứng dụng của nó, các lý thuyết người tiêu dùng, lý thuyết người sản xuất, lý thuyết chi phí; cung cấp các kiến thức cơ bản về các cấu trúc thị trường khác nhau (bao gồm: cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền thuần túy, cạnh tranh độc quyền và độc quyền nhóm), thị trường các yếu tố sản xuất và vấn đề thất bại thị trường và vai trò của chính phủ.	3 (2-1-0)	1
15	Quản trị học	Học phần nghiên cứu các mối quan hệ trong hoạt động của tổ chức, cung cấp kiến thức cơ bản về khoa học quản lý, giúp người học phát triển tư duy và dễ dàng tiếp cận các học phần quản trị chuyên ngành. Nội dung chính của học phần bao gồm: cơ sở lý luận và phương pháp luận của khoa học quản trị, quy trình ra quyết định và đảm bảo thông tin cho quyết định, các chức năng quản trị như lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra, cùng với việc đổi mới hoạt động quản trị để thích ứng với môi trường biến đổi phức tạp.	2 (1-1-0)	1
16	Tài chính – Tiền tệ	Học phần cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về tài chính, tiền tệ, thống kê và thuế; các công cụ cơ bản để giao dịch với ngân hàng và bản chất, chức năng của tài chính tiền tệ. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về thị trường tài chính, cũng như các vấn đề liên quan đến tỷ giá hối đoái, lạm phát, lãi suất và hoạt động của ngân hàng thương mại cũng như ngân hàng trung ương trong việc thực thi các chính sách tiền tệ.	2 (1-1-0)	2

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Học kỳ
17	Nguyên lý kinh tế vĩ mô	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các biến số kinh tế như GDP, CPI, lạm phát, thất nghiệp, và tổng cung, tổng cầu của nền kinh tế. Người học sẽ hiểu và vận dụng các chỉ số này để phân tích xu hướng kinh tế, đồng thời tìm hiểu về chính sách tiền tệ và tài khoá để điều tiết nền kinh tế thị trường. Học phần cũng giải thích mối quan hệ giữa thất nghiệp và lạm phát, cùng cách giải quyết các vấn đề này. Ngoài ra, người học sẽ được trang bị kỹ năng phân tích tác động của các cú sốc tới nền kinh tế vĩ mô và ứng phó hiệu quả.	3 (2-1-0)	2
18	Pháp luật kinh tế	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức và nghiệp vụ cụ thể luật kinh tế cơ bản, địa vị pháp lý của các doanh nghiệp, hợp đồng kinh tế, giải quyết tranh chấp kinh tế và phá sản doanh nghiệp.	2 (1-1-0)	3
19	Nguyên lý kế toán	Học phần nguyên lý kế toán trang bị cho người học các khái niệm và kiến thức cơ bản về kế toán làm cơ sở để học các học phần chuyên ngành. Nội dung của học phần bao gồm các khái niệm, nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung, các thành phần của hệ thống kế toán như chứng từ, tài khoản, báo cáo kế toán.	3 (2-1-0)	3
20	Nguyên lý thống kê	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp điều tra thu thập thông tin thực tế về mọi lĩnh vực trong đời sống xã hội, phân tổ tổng hợp dữ liệu điều tra, tính toán các chỉ tiêu phân tích và phân tích thực trạng tình hình phát triển kinh doanh sản xuất – dịch vụ và kinh tế - xã hội hiện tại và dự báo phát triển trong tương lai.	3 (2-1-0)	3
21	Marketing căn bản	Học phần cung cấp kiến thức căn bản về marketing, thị trường, khách hàng và các khái niệm liên quan; kiến thức tổng quát về cách giải quyết cạnh tranh hiệu quả thông qua các chức năng marketing như phân tích thị trường, định vị sản phẩm, và quyết định về giá cả, kênh phân phối, và truyền thông. Học phần nhấn mạnh vai trò quan trọng của marketing trong doanh nghiệp, là cầu nối giữa khách hàng và doanh nghiệp nhằm thỏa mãn khách hàng và tạo lợi nhuận bền vững. Ngoài lý thuyết, người học còn được trải nghiệm thực tế qua các tình huống và bài tập lớn, nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và phân tích.	3 (2-1-0)	4

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Học kỳ
2.2 Kiến thức cơ sở ngành				
22	Thương mại điện tử căn bản	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thương mại điện tử như: khái niệm, lợi ích, lịch sử hình thành, xu hướng phát triển trong tương lai, các điều kiện vật chất, kỹ thuật và pháp lý triển khai thương mại điện tử trong doanh nghiệp, các rủi ro và phòng tránh rủi ro trong thương mại điện tử, các giao dịch điện tử, phương thức và hình thức thương mại điện tử trong doanh nghiệp, cách thức triển khai dự án thương mại điện tử trong doanh nghiệp.	2 (1-1-0)	2
23	Kinh tế lượng	Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản bao gồm: giới thiệu kinh tế lượng, mô hình hồi quy, ước lượng và kiểm định giả thiết, các khuyết tật đa cộng tuyến, tự tương quan, phương sai sai số thay đổi	2 (1-1-0)	3
24	Kinh doanh quốc tế	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, bao gồm môi trường kinh doanh, thương mại và đầu tư toàn cầu, chiến lược kinh doanh quốc tế, và các phương thức thâm nhập thị trường. Người học sẽ hiểu nguồn gốc và ý nghĩa của kinh doanh quốc tế, xu thế toàn cầu hóa và tác động của nó đến các quốc gia, cũng như các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh; nắm được các loại hình chiến lược kinh doanh quốc tế, ưu nhược điểm của từng loại, và cách thiết kế cơ cấu tổ chức theo chiến lược này.	2 (1-1-0)	3
25	Thống kê doanh nghiệp	Học phần trang bị cho người học các phương pháp, biểu mẫu, cách thu thập dữ liệu trong các loại hình doanh nghiệp, các nguyên tắc cơ bản, phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo phương pháp SNA, phục vụ cho chế độ báo cáo Thống kê và điều tra Thống kê định kỳ theo luật Thống kê. Học phần này giúp đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quan điểm hiện đại và xây dựng hệ thống chỉ tiêu phản ánh hiệu quả, mức cạnh tranh, xếp loại doanh nghiệp, vận dụng lý thuyết quyết định vào doanh nghiệp để chọn tình huống đầu tư kinh doanh có hiệu quả.	2 (1-1-0)	4
2.3 Kiến thức ngành				
26	Quản trị nguồn nhân	Học phần cung cấp kiến thức về quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức. Học phần giúp người học có nhận thức	3 (2-1-0)	4

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Học kỳ
	lực	toàn diện về quá trình quản trị nhân lực, phương pháp quản lý lao động hiệu quả và giúp người học chuẩn bị hồ sơ xin việc, phỏng vấn xin việc sau khi ra trường. Nội dung của Học phần gồm: Các chức năng và vai trò của quản trị nhân lực, phân tích công việc, kế hoạch hóa nguồn nhân lực, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi, quan hệ lao động và những vấn đề có liên quan		
27	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Học phần này cung cấp cho người học những ứng dụng mang tính thực tế, các khái niệm, công cụ và phương pháp luận về những khía cạnh thực tiễn của tài chính, được áp dụng hàng ngày trong môi trường quản lý tài chính.	3 (2-1-0)	4
28	Quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cốt lõi về quản trị logistics và chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, định nghĩa, giá trị, mục đích phương pháp, và các kỹ thuật quản trị logistics cũng như xây dựng hệ thống quản trị chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào nghiên cứu. Có khả năng nắm được những hoạt động logistics bên trong và bên ngoài doanh nghiệp. Hiểu được cách doanh nghiệp áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động logistics, quyết định về dự trữ, quyết định vận tải, quyết định mua và cung ứng và áp dụng các chiến lược hậu cần nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường	3 (2-1-0)	5
29	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	Học phần cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành trong Quản trị kinh doanh, đồng thời trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản cần thiết của các nghiệp vụ trong ngành kinh tế. Ngoài ra, sinh viên còn được trang bị các kiến thức cơ bản về các quy trình xử lý công việc và quản lý trong các bộ phận khác nhau như Marketing, Sản xuất, Chiến lược, Nhân sự. Sinh viên có thể đọc hiểu các loại hợp đồng cơ bản, cách viết CV và luyện tập thuyết trình bằng Tiếng Anh về các chủ đề xung quanh Quản trị kinh doanh sau khóa học.	3 (2-1-0)	5
30	Quản lý dự án	Học phần trang bị cho người học các kiến thức về các loại hình công việc khác nhau của một người hoặc một tập thể chịu trách nhiệm tổ chức quản lý và triển khai	2 (1-1-0)	2

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Học kỳ
		một dự án. Giúp người học phân biệt và vận dụng các mô hình quản lý dự án khác nhau, sử dụng thành thạo một số phương pháp quản lý thời gian và tiến độ dự án, chất lượng và các kỹ thuật nhằm phân phối nguồn lực cho dự án		
31	Quản trị marketing	Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về marketing, bắt nguồn từ nhu cầu trao đổi sản phẩm giữa người bán và người mua. Người học sẽ tìm hiểu cách doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phù hợp với nhu cầu khách hàng, xác định giá trị và sự tồn tại của sản phẩm. Học phần nhấn mạnh vai trò của marketing trong việc xác định nhu cầu, cung ứng giá trị và tạo sự nhận biết sản phẩm qua truyền thông. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị kỹ thuật phân tích môi trường kinh doanh, đánh giá nhu cầu và hành vi khách hàng, cũng như phương pháp nghiên cứu marketing. Họ sẽ hiểu cách doanh nghiệp phản ứng với thị trường qua các chiến lược và chính sách marketing, từ đó áp dụng lý thuyết vào thực tiễn và nâng cao kỹ năng quản trị marketing.	2 (1-1-0)	5
32	Quản trị rủi ro	Học phần trang bị kiến thức về quản lý rủi ro trong sản xuất kinh doanh và cuộc sống hàng ngày. Quản trị rủi ro hiệu quả giúp doanh nghiệp và cá nhân chủ động ứng phó với tình huống bất lợi, giảm thiểu thiệt hại. Người học sẽ tìm hiểu các khía cạnh cơ bản như nhận dạng, đo lường, kiểm soát và tài trợ rủi ro. Học phần cũng giới thiệu các loại rủi ro đặc thù như rủi ro hoạt động, rủi ro tỷ giá và rủi ro đầu tư, giúp người học hiểu rõ hơn về quản lý rủi ro trong từng lĩnh vực cụ thể.	2 (1-1-0)	6
33	Quản trị tác nghiệp	Học phần tập trung vào giải quyết các vấn đề cốt lõi trong hoạt động sản xuất như: dự báo nhu cầu, thiết kế hệ thống sản xuất & dịch vụ, lựa chọn quá trình sản xuất và hoạch định công suất, định vị doanh nghiệp, bố trí mặt bằng sản xuất trong doanh nghiệp, lập kế hoạch sản xuất, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, quản trị hàng dự trữ, điều độ sản xuất, quản trị dự án, chiến lược quản trị sản xuất và tác nghiệp trong bối cảnh toàn cầu. Để làm rõ những nội dung trên, các kiến thức chuyên sâu, thực tế sẽ được trình bày thông qua các tình huống thực tế có liên quan, các bài tập thực hành và bài tập nhóm.	3 (2-1-0)	6
34	Quản trị doanh	Học phần cung cấp cho người học những thay đổi gần đây trong hoạt động quản trị doanh nghiệp và nguồn gốc	2 (1-1-0)	6

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Học kỳ
	ngành	của chúng làm thay đổi sâu sắc các nhiệm vụ và trách nhiệm của các nhà quản trị; nắm thách thức về quản trị doanh nghiệp trong môi trường toàn cầu như: xây dựng một lợi thế cạnh tranh, duy trì các tiêu chuẩn về đạo đức, quản trị một lực lượng lao động đa dạng, sử dụng các hệ thống và công nghệ thông tin mới, và hoạt động quản lý khủng hoảng toàn cầu và các cách thức để vượt qua những thách thức đó. Bên cạnh đó, học phần cũng đưa ra một số các gợi ý chiến lược nhằm giúp doanh nghiệp vượt qua các thách thức trên.		
35	Hệ thống thông tin quản lý	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về các hệ thống thông tin thuộc tất cả các bước trong quá trình kinh doanh và trong tất cả các khu vực làm việc nhằm phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan tới kinh doanh trong “thế giới thực”. Quá trình thiết kế, quản trị và vận hành các phần mềm quản lý, xử lý thông tin, phân tích dữ liệu...hỗ trợ nhà quản trị đưa ra quyết định đúng đắn và kịp thời nhằm đem lại lợi ích tối đa, bền vững cho tổ chức.	2 (1-1-0)	5
36	Khởi nghiệp	Học phần tập trung vào các vấn đề liên quan đến khởi sự doanh nghiệp bao gồm: môi trường kinh doanh, tổ chức và kỹ năng của chủ doanh nghiệp, phương pháp lựa chọn ý tưởng kinh doanh, nội dung kế hoạch khởi sự, cũng như triển khai hoạt động kinh doanh và các rủi ro thường gặp. Sau khi hoàn thành, người học sẽ có khả năng mô tả, đánh giá và phân tích môi trường kinh doanh biến động. Họ cũng sẽ biết cách lựa chọn và phát triển ý tưởng kinh doanh phù hợp, soạn thảo kế hoạch kinh doanh hiệu quả, và định hình cốt lõi kinh doanh.	2 (1-1-0)	7
37	Kế toán quản trị	Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về cách thức sử dụng thông tin kế toán phục vụ cho lập kế hoạch, kiểm soát, đánh giá và ra quyết định trong các tình huống khác nhau tại doanh nghiệp. Học phần này dựa trên các tiêu chí về lợi ích và chi phí và tác động của thông tin kế toán đến hành vi của các nhà quản trị trong việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu ngắn hạn và mục tiêu chiến lược. Người học sẽ được học cách thức tạo ra các thông tin hỗ trợ các nhà quản trị trong quá trình ra quyết định tại doanh nghiệp.	3 (2-1-0)	7
38	Quản trị	Học phần nghiên cứu quá trình quản trị chiến lược tại doanh nghiệp với nội dung chính bao gồm tổng quan về	3 (2-1-0)	7

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Học kỳ
	chiến lược	quản trị chiến lược, bao gồm lịch sử, khái niệm, nội dung và tầm quan trọng; quá trình hoạch định chiến lược với nhiệm vụ, mục tiêu, phân tích môi trường và xây dựng lợi thế cạnh tranh; và cuối cùng là thực hiện, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản và chuyên sâu về lập kế hoạch dài hạn, giúp người học hiểu cách hình thành, hoạch định, thực hiện và đánh giá chiến lược sản xuất kinh doanh.		
39	Quản lý chất lượng	Học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản nhất của quản lý chất lượng trong tổ chức, từ những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành chất lượng sản phẩm trong tất cả các giai đoạn từ thiết kế, sản xuất đến tiêu dùng. Người học sẽ hiểu được các khái niệm cơ bản và những triết lý về quản lý chất lượng phổ biến hiện nay, hiểu về chi phí chất lượng, các hệ thống quản lý chất lượng như ISO 9000, TQM, HACCP hay các công cụ hiện đại như 6 sigma, TPM, 7 công cụ thống kê, Benchmarking, 5S,... Những kiến thức nền tảng này sẽ giúp người học có cái nhìn thấu đáo hơn, có thể tìm hiểu, phân tích quy trình vận hành thực tế của các công cụ, vai trò cũng như khả năng ứng dụng trong thực tế của các công cụ quản lý chất lượng.	3 (2-1-0)	7
2.4 Kiến thức tự chọn				
40	Lý thuyết tổ chức	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về lý thuyết và thiết kế tổ chức. Học phần này bao gồm các nội dung như: Khái niệm, vai trò, cách tiếp cận tổ chức, cấu trúc tổ chức, thiết kế tổ chức, mục tiêu và chiến lược tổ chức, môi trường tổ chức và các giải pháp thích ứng, công nghệ của tổ chức, quy mô và vòng đời của tổ chức, đổi mới và thay đổi trong tổ chức.	2 (1-1-0)	4
41	Phát triển kỹ năng quản trị	Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về tự nhận thức bản thân, quản trị cảm xúc, quản trị xung đột, quản trị sự thay đổi, cách tạo động lực cho bản thân và người khác, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng ứng tuyển để người học áp dụng vào trong học tập, công việc và cuộc sống.	2 (1-1-0)	4
42	Lý thuyết và chính sách thương mại	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các vấn đề kinh tế trong lĩnh vực ngoại thương và chính sách khuyến khích, quản lý hoạt động thương mại quốc tế. Sau khi	2 (1-1-0)	4

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Học kỳ
	quốc tế	hoàn thành, người học sẽ hiểu nguồn gốc và lợi ích của hoạt động mậu dịch giữa các quốc gia, các chính sách thương mại quốc tế nhằm tối đa hóa lợi ích kinh tế, cũng như xu hướng phát triển chính của thương mại quốc tế hiện nay. Người học sẽ nhận thức rõ tầm quan trọng của hội nhập quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh của Việt Nam.		
43	Kế hoạch kinh doanh	Học phần cung cấp cho người học kiến thức về mục tiêu, phương pháp, quy trình, nội dung để lập bản kế hoạch kinh doanh. Kết thúc học phần, người học có tư duy, kỹ năng và phương pháp để lập các kế hoạch nhỏ, kế hoạch tác nghiệp và liên kết các bản kế hoạch đó thành một bản kế hoạch kinh doanh cho toàn doanh nghiệp.	2 (1-1-0)	5
44	Kinh tế quản lý	Học phần thiết lập mối quan hệ giữa lý thuyết kinh tế và khoa học ra quyết định trong phân tích quản lý. Lý thuyết kinh tế truyền thống, đặc biệt là kinh tế vi mô, đóng vai trò quan trọng trong việc ra quyết định quản lý kinh doanh. Kinh tế quản lý đưa ra các quy tắc xác định yếu tố ảnh hưởng đến cung, cầu, độ co giãn của chúng, cũng như chi phí và đầu vào tối ưu trong các mô hình cực đại lợi nhuận. Học phần cũng đề cập đến sản lượng tối ưu trong các cấu trúc thị trường khác nhau, phân biệt giá và định giá độc quyền, cùng với phương pháp thực hiện các mục tiêu cụ thể. Ngoài ra, nó còn ước lượng hàm cầu và đánh giá kết quả từ phần mềm EVIEW, cũng như các chính sách của chính phủ đối với doanh nghiệp.	2 (1-1-0)	5
45	Thị trường chứng khoán	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thị trường tài chính nói chung, và một số kiến thức và kỹ năng cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán : nguyên tắc hoạt động, phát hành chứng khoán, cơ chế giao dịch, các nghiệp vụ của công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, những nguyên tắc công bố thông tin và thanh tra giám sát thị trường chứng khoán.	2 (1-1-0)	6
46	Quản lý nhà nước về kinh tế	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nguyên tắc, công cụ, phương pháp, mục tiêu, chức năng quản lý nhà nước về kinh tế; thông tin và quyết định quản lý; bộ máy và cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế..	2 (1-1-0)	6
47	Quản trị nội dung và	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về kinh doanh, rèn luyện kỹ năng quản lý và thiết kế website. Ngoài ra,	2 (1-1-0)	6

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Học kỳ
	chăm sóc website	người học sẽ được trang bị các thuật ngữ và mẫu hình thông dụng trong xây dựng website thương mại, đảm bảo website không chỉ đẹp mà còn hiệu quả và đáp ứng yêu cầu truyền thông của doanh nghiệp.		
48	Ứng dụng lý thuyết trò chơi trong kinh doanh	Học phần nghiên cứu hành vi chiến lược trong bối cảnh tương tác giữa các cá nhân, nơi mỗi người tham gia phải ra quyết định để tối đa hóa lợi ích của mình. Học phần này giúp các nhà quản lý cải thiện quyết định chiến lược trong kinh doanh, giải quyết các vấn đề lưỡng nan trong thị trường độc quyền nhóm, cũng như các vấn đề chính trị và xã hội. Nó tập trung vào ứng dụng trong nhị độc quyền dựa trên mô hình Tình thế lưỡng nan của người tù, và giới thiệu hai cân bằng chiến cơ bản là cân bằng trội và cân bằng Nash cùng với các suy xét phát triển liên quan.	2 (1-1-0)	7
49	Văn hóa doanh nghiệp	Học phần cung cấp kiến thức hệ thống về văn hóa doanh nghiệp và kỹ năng nghiên cứu, sử dụng yếu tố văn hóa trong kinh doanh để tạo môi trường phát triển tích cực; kiến thức về đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp, từ đó xây dựng và triển khai các chương trình phù hợp. Các nội dung cốt lõi bao gồm: (i) khái niệm và triết lý về đạo đức kinh doanh, vấn đề đạo đức tại Việt Nam, và nghiên cứu tình huống; (ii) tổng quan về văn hóa doanh nghiệp và các yếu tố hình thành; (iii) xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp.	2 (1-1-0)	7
2.5 Thực tập và học phần tốt nghiệp				
50	Thực tập ngành Quản trị kinh doanh	Học phần nhằm rèn luyện kỹ năng phân tích và kỹ năng viết báo cáo cho người học cũng như giúp người học học hỏi, rèn luyện phong cách làm việc, tác phong công sở và ứng xử trong các mối quan hệ công tác tại một cơ quan, doanh nghiệp. Trong 3 tuần thực tập tại doanh nghiệp, với sự hướng dẫn của 1 Giảng viên chuyên môn của Nhà trường và 1 Cán bộ tại Công ty, người học tìm hiểu về công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong thực tế của 1 doanh nghiệp, bước đầu áp dụng các kiến thức đã học giải quyết các công việc trong thực tế, phát hiện các tồn tại, hạn chế trong hoạt động quản lý, đặt nền tảng cho việc viết khóa luận tốt nghiệp tại kỳ sau.	3 (1-0-2)	8

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Học kỳ
51	Khóa luận tốt nghiệp	Học phần giúp người học áp dụng kiến thức và lý thuyết chuyên ngành được học để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp; thực hành kỹ năng nghề nghiệp gắn với gắn với chuyên ngành được đào tạo và rèn luyện kỹ năng cũng như thái độ làm việc chuyên nghiệp; phát triển các mối quan hệ nhằm chuẩn bị cho nghề nghiệp trong tương lai sau tốt nghiệp. Kết thúc Học phần, người học cần nộp một bản báo cáo kết quả nghiên cứu thực tế dưới hình thức 1 cuốn Khóa luận tốt nghiệp và bảo vệ trước Hội đồng.	7 (1-0-6)	8
2.6 Kiến thức chuyên ngành				
2.6.1 Quản trị kinh doanh quốc tế				
52	Pháp luật kinh doanh quốc tế	Học phần pháp luật kinh doanh quốc tế cung cấp cho người học các thông tin chung về hệ thống pháp luật chi phối đến hoạt động kinh doanh quốc tế mà một chủ thể kinh doanh khi tham gia vào thị trường quốc tế cần phải biết; các nguyên tắc cơ bản trong kinh doanh quốc tế; các kiến thức pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hoá và cung ứng dịch vụ quốc tế, các hợp đồng có tính đặc thù trong lĩnh vực đầu tư quốc tế. Trên cơ sở cung cấp những kiến thức pháp lý nền tảng, học phần giúp người học nhận dạng các tranh chấp có thể xảy ra trong kinh doanh quốc tế, cung cấp các biện pháp ngăn ngừa và lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp phù hợp.	3 (2-1-0)	5
53	Marketing quốc tế	Học phần là giúp người học hiểu vai trò của marketing trong phát triển thương mại quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh các công ty đa quốc gia phải đối mặt với sự khác biệt ngôn ngữ. Việc truyền tải chính xác thông điệp marketing xuyên biên giới để tạo giá trị cho khách hàng là rất quan trọng. Học phần sẽ khám phá các thách thức trong marketing quốc tế, như vượt qua rào cản văn hóa và đảm bảo trải nghiệm khách hàng ổn định. Đồng thời, nó cũng giới thiệu các xu hướng marketing quốc tế hiện đại và cách ứng dụng chúng thông qua phân tích các trường hợp thực tế.	2 (1-1-0)	5
54	Giao dịch thương mại quốc tế	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu và nghiệp vụ cụ thể về kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hoá như: lựa chọn phương thức giao dịch, đàm phán ký kết hợp đồng, trình tự thực hiện hợp đồng	3 (2-1-0)	6

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Học kỳ
		thương mại quốc tế, thủ tục tiến hành và các chứng từ liên quan tới giao dịch ngoại thương. Bên cạnh đó, Học phần hướng người học đến những lĩnh vực liên quan như vận tải quốc tế, bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu, thanh toán quốc tế và tranh chấp trong giao dịch ngoại thương. Để làm rõ những nội dung trên, các kiến thức chuyên sâu, thực tế sẽ được trình bày thông qua các tình huống thực tế có liên quan, các bài tập thực hành và bài tập nhóm		
55	Vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động logistics quốc tế và quản trị chuỗi cung ứng quốc tế. Cụ thể, Học phần đi sâu tìm hiểu về các nghiệp vụ vận tải quốc tế, quy cách đóng gói hàng hóa vận tải quốc tế, bảo hiểm trong ngoại thương, thủ tục hải quan và an ninh logistics quốc tế. Bên cạnh đó, cùng với xu thế toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng và nhu cầu về tính hiệu quả trong chuỗi cung ứng quốc tế. Học phần cũng nhấn mạnh vai trò của logistics quốc tế và quản trị chuỗi cung ứng nhằm tạo nên lợi thế cạnh tranh trong hoạt động thương mại quốc tế.	3 (2-1-0)	6
56	Thanh toán quốc tế	Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về hợp đồng ngoại thương, phát hành và lưu thông phương tiện thanh toán quốc tế, cùng với các phương thức thanh toán trong giao dịch thương mại và dịch vụ quốc tế. Người học sẽ biết cách kiểm tra bộ chứng từ và xử lý tranh chấp phát sinh, từ đó có khả năng đảm nhiệm khâu thanh toán quốc tế tại doanh nghiệp xuất nhập khẩu và ngân hàng thương mại. Học phần cũng đề cập đến các yếu tố quốc tế ảnh hưởng đến hoạt động của công ty, như tỷ giá, giá cả hàng hóa, lãi suất và lạm phát, thông qua các vấn đề vĩ mô như cán cân thanh toán và hệ thống tiền tệ quốc tế. Cuối cùng, nó sẽ khám phá các vấn đề vi mô trong quản lý tài chính công ty quốc tế, bao gồm quản trị rủi ro tỷ giá, tài trợ quốc tế và thị trường tài chính quốc tế.	2 (1-1-0)	6
57	Quản trị tài chính quốc tế	Học phần sẽ cung cấp các kiến thức tổng quan về các yếu tố quốc tế tác động lên hoạt động của các công ty quốc tế, bao gồm yếu tố tỉ giá, giá cả hàng hóa quốc tế, lãi suất, lạm phát thông qua trình bày các vấn đề vĩ mô như Cán cân thanh toán quốc tế, Các điều kiện cân bằng quốc tế, Hệ thống tiền tệ quốc tế. Tiếp theo, Học phần sẽ đi sâu vào các vấn đề vi mô của quản lý tài chính công ty	2 (1-1-0)	7

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Học kỳ
		quốc tế bao gồm Quản trị rủi ro ti giá, Tài trợ quốc tế, và Các thị trường tài chính quốc tế.		
2.6.2 Quản trị Marketing				
58	Hành vi người tiêu dùng	Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về hành vi người tiêu dùng qua các lý thuyết tâm lý học, xã hội học, nhân khẩu học, truyền thông, văn hóa và kinh tế học. Nó cũng chú trọng thực hành, từ xác định vấn đề nghiên cứu đến thu thập dữ liệu và viết báo cáo. Người học sẽ hiểu vai trò của người tiêu dùng và có thể vận dụng các mô hình phân tích hành vi tiêu dùng. Chiến lược marketing được xem xét trong bối cảnh xã hội rộng hơn, bao gồm các vấn đề như đạo đức kinh doanh và bảo vệ người tiêu dùng. Nội dung cụ thể bao gồm khái niệm hành vi tiêu dùng, mô hình hành vi tiêu dùng, yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng, và nghiên cứu hành vi người tiêu dùng.	3 (2-1-0)	5
59	Quản trị bán hàng	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản, thiết thực và hiện đại về quản trị bán hàng chuyên nghiệp cho người học góp phần hình thành tư duy, kỹ năng quản trị kinh doanh hiện đại. Và đạt mục tiêu chuẩn đầu ra của chương trình quản trị kinh doanh. Nội dung chính của môn học Quản trị bán hàng bao gồm: giới thiệu về công việc, hoạt động bán hàng; phân tích, dự báo bán hàng lập kế hoạch và ngân sách bán hàng; tổ chức đội ngũ bán hàng, tuyển chọn, huấn luyện, đào tạo lực lượng bán hàng; đánh giá và thù lao cho lực lượng bán hàng nhằm tăng năng suất của lực lượng bán hàng.	2 (1-1-0)	5
60	Quản trị kênh phân phối	Học phần trình bày các lý thuyết và thực hành trong quản trị kênh phân phối. Thông qua việc nghiên cứu các lý thuyết này người học sẽ hiểu về động cơ và hành vi của các thành viên kênh từ đó có thể đưa ra những cách thức quản lý thành viên kênh hiệu quả. Người học cũng được cung cấp các kiến thức để có thể ra quyết định liên quan đến kênh như lựa chọn thành viên, tổ chức, đánh giá, động viên,... thành viên kênh một cách hợp lý. Thêm vào đó, sự phối hợp giữa chữ P thứ 3 trong tập marketing mix với các chữ P còn lại và vai trò trong chiến lược marketing cũng được đề cập và phân tích trong Học phần này.	2 (1-1-0)	6

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Học kỳ
61	Marketing số	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản như quy trình lập kế hoạch Marketing số, các kênh marketing số phổ biến, ý tưởng và nội dung trong marketing số... Người học sẽ nắm được phương pháp quảng cáo sử dụng các thiết bị điện tử như máy tính cá nhân, điện thoại thông minh, điện thoại di động, máy tính bảng và thiết bị chơi game để tương tác với người dùng; những công nghệ và các nền tảng như websites, email, ứng dụng (cơ bản và trên di động) và các mạng xã hội.	3 (2-1-0)	6
62	Quản trị truyền thông marketing	Học phần nhằm giúp người học hiểu quy trình phát triển chương trình truyền thông marketing cho một sản phẩm hoặc một dịch vụ, kết hợp giữa 5 yếu tố: quảng cáo, khuyến mãi, bán hàng trực tiếp, quan hệ công chúng (PR) và marketing trực tiếp. Các nội dung chủ yếu của Học phần bao gồm: Phân tích hành vi người tiêu dùng; thiết lập mục tiêu; xây dựng chiến lược, kế hoạch truyền thông marketing; tổ chức các hoạt động truyền thông marketing; đo lường, đánh giá việc thực hiện và hiệu quả chương trình truyền thông marketing.	3 (2-1-0)	6
63	Quản trị thương hiệu	Học phần cung cấp các thuật ngữ và kiến thức cơ bản về thương hiệu, các khía cạnh chủ yếu trong tiến trình quản trị thương hiệu như tạo dựng, duy trì, phát triển, bảo vệ và khai thác giá trị thương hiệu. Học phần cũng đề cập đến nhiệm vụ và vai trò của nhà quản trị thương hiệu, cũng như môi trường làm việc trong lĩnh vực này. Các nội dung chính bao gồm các tiếp cận khác nhau về thương hiệu, yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu, thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu, biện pháp bảo vệ và xử lý tranh chấp thương hiệu, hoạt động truyền thông thương hiệu, và định hướng phát triển thương hiệu.	2 (1-1-0)	7

9. Ma trận quan hệ giữa CDR của Chương trình đào tạo và các Học phần

Học phần	Chuẩn đầu ra																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																	
Lý luận chính trị																	
Pháp luật đại cương	x					x							x				x
Triết học Mác - Lênin	x				x							x	x				x
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x				x							x					x
Chủ nghĩa xã hội khoa học	x				x							x					x
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt	x				x							x	x				x

Học phần	Chuẩn đầu ra																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Nam																	
Tư tưởng Hồ Chí Minh	x				x							x	x				x
Kỹ năng																	
Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp		x						x				x	x			x	x
Kỹ năng đàm phán		x					x					x			x		x
Khoa học tự nhiên và tin học																	
Toán cho các nhà kinh tế		x			x								x				x
Tin học cơ bản		x							x			x	x	x			x
Xác suất thống kê		x			x										x		x
Tiếng Anh																	
Tiếng Anh 1		x								x					x		x
Tiếng Anh 2		x								x					x		x
II. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP																	
Cơ sở khối ngành																	
Nguyên lý kinh tế vi mô			x		x		x										x
Quản trị học		x	x		x							x	x				x
Tài chính - Tiền tệ			x														
Nguyên lý kinh tế vĩ mô			x		x												x
Pháp luật kinh tế	x						x				x	x	x				x
Nguyên lý kế toán			x			x									x		
Nguyên lý thống kê		x			x	x							x			x	x
Marketing căn bản			x		x		x					x	x				x
Kiến thức cơ sở ngành																	
Thương mại điện tử căn bản			x									x	x		x		x
Kinh tế lượng		x					x						x			x	x
Kinh doanh quốc tế			x	x	x		x					x	x				x
Thống kê doanh nghiệp		x	x		x	x							x				x
Kiến thức ngành																	
Quản trị nguồn nhân lực			x		x	x						x				x	x
Quản trị tài chính doanh nghiệp			x		x	x											
Quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng			x		x	x						x			x	x	x
Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh			x							x		x	x		x		
Quản lý dự án			x				x					x				x	x
Quản trị marketing			x	x	x	x									x	x	x
Quản trị rủi ro			x		x							x	x	x			x
Quản trị tác nghiệp			x		x	x					x					x	x

Học phần	Chuẩn đầu ra																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Quản trị doanh nghiệp			x		x			x				x		x		x	x
Hệ thống thông tin quản lý			x			x						x			x	x	
Khởi nghiệp			x					x				x				x	x
Kế toán quản trị			x			x					x		x	x			x
Quản trị chiến lược			x		x		x					x	x			x	
Quản lý chất lượng		x	x		x		x				x		x				x
Kiến thức tự chọn																	
<i>Lý thuyết tổ chức</i>			x		x							x	x				
<i>Phát triển kỹ năng quản trị</i>			x								x		x		x	x	x
<i>Lý thuyết và chính sách thương mại quốc tế</i>																	
<i>Kế hoạch kinh doanh</i>		x	x		x							x	x			x	
<i>Kinh tế quản lý</i>		x	x			x	x						x				
<i>Thị trường chứng khoán</i>			x		x				x				x		x		x
<i>Quản lý nhà nước về kinh tế</i>		x			x							x	x		x		x
<i>Quản trị nội dung và chăm sóc website</i>			x	x		x	x						x		x	x	
<i>Ứng dụng lý thuyết trò chơi trong kinh doanh</i>		x	x			x	x								x		
<i>Văn hóa doanh nghiệp</i>			x		x	x							x			x	x
Thực tập và học phần tốt nghiệp																	
Thực tập ngành Quản trị kinh doanh			x	x	x							x	x		x		x
Khóa luận tốt nghiệp		x	x	x	x							x	x				x
Kiến thức chuyên ngành																	
Quản trị kinh doanh quốc tế																	
Pháp luật kinh doanh quốc tế				x	x	x						x	x		x		
Marketing quốc tế				x	x	x					x		x		x		x
Giao dịch thương mại quốc tế				x		x					x				x	x	
Vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương				x		x					x				x	x	x
Thanh toán quốc tế				x	x	x					x	x	x		x		
Quản trị tài chính quốc tế				x	x	x							x		x	x	
Quản trị Marketing																	
Hành vi người tiêu dùng				x	x	x	x								x	x	x
Quản trị bán hàng				x	x	x					x		x		x		
Quản trị kênh phân phối				x	x	x					x		x		x		
Marketing số				x	x	x					x		x			x	
Quản trị truyền thông marketing				x	x	x					x	x	x		x		

Học phần	Chuẩn đầu ra																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Quản trị thương hiệu				x	x	x	x						x			x	

10. Ma trận các phương pháp giảng dạy

TT	Học phần	Phương pháp giảng dạy															
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																
I.1	Lý luận chính trị																
1	Pháp luật đại cương	x		x		x	x				x						
2	Triết học Mác - Lênin	x	x		x	x					x						
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x	x		x	x	x				x						
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x		x	x					x						
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x	x	x	x	x					x	x					
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	x		x	x					x	x					
I.2	Kỹ năng																
7	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	x	x		x	x	x				x	x		x		x	
8	Kỹ năng đàm phán	x	x		x	x	x				x	x		x		x	
I.3	Khoa học tự nhiên và tin học																
9	Toán cho các nhà kinh tế	x		x		x	x				x						
10	Tin học cơ bản	x		x	x	x	x	x			x						
11	Xác suất thống kê	x		x			x	x									
I.4	Tiếng Anh																
12	Tiếng Anh 1	x			x	x	x				x	x			x		
13	Tiếng Anh 2	x			x	x	x				x	x			x		
I.5	Giáo dục quốc phòng																
I.6	Giáo dục thể chất																
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP																
II.1	Cơ sở khối ngành																
14	Nguyên lý kinh tế vi mô	x		x		x	x	x								x	
15	Quản trị học	x		x		x	x				x						
16	Tài chính - Tiền tệ	x	x	x	x	x	x										
17	Nguyên lý kinh tế vĩ mô	x		x		x	x				x		x				

TT	Học phần	Phương pháp giảng dạy															
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
18	Pháp luật kinh tế	x		x		x	x		x	x							
19	Nguyên lý kế toán	x				x											
20	Nguyên lý thống kê	x				x											
21	Marketing căn bản	x			x	x	x		x								
II.2	Kiến thức cơ sở ngành																
22	Thương mại điện tử căn bản	x		x		x	x		x								
23	Kinh tế lượng	x				x											
24	Kinh doanh quốc tế	x		x	x	x	x		x						x		
25	Thống kê doanh nghiệp	x		x			x		x						x		
II.3	Kiến thức ngành																
26	Quản trị nguồn nhân lực	x		x	x	x				x					x		
27	Quản trị tài chính doanh nghiệp	x			x	x	x								x		
28	Quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng	x			x	x	x								x		
29	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD	x			x	x			x								
30	Quản lý dự án	x		x	x	x											
31	Quản trị marketing	x		x	x	x	x		x						x		
32	Quản trị rủi ro	x			x	x	x		x						x		
33	Quản trị tác nghiệp	x		x	x	x	x		x		x				x		
34	Quản trị doanh nghiệp	x			x	x				x							
35	Hệ thống thông tin quản lý	x			x	x				x							
36	Khởi nghiệp	x		x		x											
37	Kế toán quản trị	x				x	x										
38	Quản trị chiến lược	x		x	x	x	x		x	x					x		
39	Quản lý chất lượng	x		x	x	x	x	x	x						x		
II.4	Kiến thức tự chọn																
40	Lý thuyết tổ chức	x		x		x											
41	Phát triển kỹ năng quản trị	x			x	x	x		x						x		
42	Lý thuyết và chính sách TM quốc tế	x		x													
43	Kế hoạch kinh doanh	x			x	x	x		x								
44	Kinh tế quản lý	x	x	x	x	x	x										

TT	Học phần	Phương pháp giảng dạy															
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
45	Thị trường chứng khoán	x		x		x	x										
46	Quản lý nhà nước về kinh tế	x		x		x	x										
47	Quản trị nội dung và chăm sóc website	x		x	x	x	x	x									
48	Ứng dụng lý thuyết trò chơi trong KD	x		x	x	x	x									x	
49	Văn hóa doanh nghiệp	x		x	x	x	x		x							x	
II.5	Thực tập và học phần tốt nghiệp																
50	Thực tập ngành Quản trị kinh doanh					x	x	x									
51	Khóa luận tốt nghiệp					x	x	x									
II.6	Kiến thức chuyên ngành																
II.6.1	Quản trị kinh doanh quốc tế																
52	Pháp luật kinh doanh quốc tế	x		x	x	x	x		x	x						x	
53	Marketing quốc tế	x	x		x	x				x							
54	Giao dịch thương mại quốc tế	x	x	x	x	x	x										
55	Vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương	x	x	x	x	x	x		x								
56	Thanh toán quốc tế	x	x		x	x	x									x	
57	Quản trị tài chính quốc tế	x	x	x	x	x	x		x								
II.6.1	Quản trị Marketing																
58	Hành vi người tiêu dùng	x	x	x	x	x	x		x								
59	Quản trị bán hàng	x		x	x	x	x		x								
60	Quản trị kênh phân phối	x		x	x	x	x		x			x	x				
61	Marketing số	x		x		x	x		x								
62	Quản trị truyền thông marketing	x	x		x	x	x		x								
63	Quản trị thương hiệu	x		x	x	x	x		x								x

Ghi chú: Các phương pháp giảng dạy

- (1) Thuyết trình/ giảng
- (2) Học tập dựa vào vấn đề
- (3) Truy vấn
- (4) Thảo luận
- (5) Vấn đáp
- (6) Tình huống

- (7) Thực hành
- (8) Hoạt động nhóm
- (9) Tự nghiên cứu
- (10) Kỹ thuật động não
- (11) Suy nghĩ-chia sẻ-nhóm đôi
- (12) Sơ đồ tư duy (Mindmap)
- (13) Trò chơi
- (14) NC trường hợp điển hình
- (15) Khám phá-WEBQUEST
- (16) Đóng vai

11. Ma trận các phương pháp đánh giá

TT	HỌC PHẦN	ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN				THI KẾT THÚC HỌC PHẦN			
		Chuyên cần	BT cá nhân	BT nhóm	Bài KT trên lớp	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG								
I.1	Lý luận chính trị								
1	Pháp luật đại cương	x			x		x	x	
2	Triết học Mác - Lênin	x	x		x		x		
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x	x		x			x	
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x		x		x		
5	Lịch sử ĐCS Việt Nam	x			x		x		
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x			x		x		
I.2	Kỹ năng								
7	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	x	x	x			x	x	
8	Kỹ năng đàm phán	x		x	x		x	x	
I.3	Khoa học tự nhiên và tin học								
9	Toán cho các nhà kinh tế	x	x		x			x	
10	Tin học cơ bản	x			x		x		
11	Xác suất thống kê	x	x		x			x	
I.4	Tiếng Anh								

TT	HỌC PHẦN	ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN				THI KẾT THÚC HỌC PHẦN			
		Chuyên cần	BT cá nhân	BT nhóm	Bài KT trên lớp	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
12	Tiếng Anh 1	x	x		x		x	x	
13	Tiếng Anh 2	x	x		x		x	x	
I.5	Giáo dục quốc phòng								
I.6	Giáo dục thể chất								
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP								
II.1	Cơ sở khối ngành								
14	Nguyên lý kinh tế vi mô	x	x		x		x		
15	Quản trị học		x				x		
16	Tài chính - Tiền tệ		x		x			x	
17	Nguyên lý kinh tế vĩ mô		x		x			x	
18	Pháp luật kinh tế			x	x		x	x	
19	Nguyên lý kế toán	x	x		x			x	
20	Nguyên lý thống kê				x		x	x	
21	Marketing căn bản	x		x			x		
II.2	Kiến thức cơ sở ngành								
22	Thương mại điện tử căn bản	x		x	x		x		
23	Kinh tế lượng	x	x		x			x	
24	Kinh doanh quốc tế	x	x		x		x		
25	Thống kê doanh nghiệp	x		x	x			x	
II.3	Kiến thức ngành								
26	Quản trị nguồn nhân lực	x		x	x		x	x	
27	Quản trị tài chính doanh DN	x	x	x	x			x	
28	Quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng	x		x	x		x	x	
29	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD	x		x	x		x		
30	Quản lý dự án	x	x		x		x	x	
31	Quản trị marketing	x			x		x		
32	Quản trị rủi ro	x		x	x		x	x	
33	Quản trị tác nghiệp	x		x	x			x	

TT	HỌC PHẦN	ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN				THI KẾT THÚC HỌC PHẦN			
		Chuyên cần	BT cá nhân	BT nhóm	Bài KT trên lớp	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
34	Quản trị doanh nghiệp	x		x	x		x		
35	Hệ thống thông tin quản lý		x		x		x		
36	Khởi nghiệp	x		x	x			x	
37	Kế toán quản trị	x	x		x			x	
38	Quản trị chiến lược	x		x	x		x	x	
39	Quản lý chất lượng	x		x			x	x	
II.4	Kiến thức tự chọn								
40	Lý thuyết tổ chức	x		x	x		x		
41	Phát triển kỹ năng quản trị	x		x	x		x	x	
42	Lý thuyết và chính sách thương mại quốc tế	x		x			x		
43	Kế hoạch kinh doanh	x		x	x		x	x	
44	Kinh tế quản lý		x		x		x		
45	Thị trường chứng khoán		x				x		
46	Quản lý nhà nước về kinh tế		x		x			x	
47	Quản trị nội dung và chăm sóc website			x	x		x	x	
48	Ứng dụng lý thuyết trò chơi trong kinh doanh		x		x			x	
49	Văn hóa doanh nghiệp	x		x	x		x		
II.5	Thực tập và học phần tốt nghiệp								
50	Thực tập ngành QTKD								x
51	Khóa luận tốt nghiệp					x			x
II.6	Kiến thức chuyên ngành								
II.6.1	Quản trị kinh doanh quốc tế								
52	Pháp luật kinh doanh quốc tế			x	x		x		
53	Marketing quốc tế			x	x		x		

TT	HỌC PHẦN	ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN				THI KẾT THÚC HỌC PHẦN			
		Chuyên cần	BT cá nhân	BT nhóm	Bài KT trên lớp	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
54	Giao dịch thương mại quốc tế	x	x		x		x		
55	Vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương	x			x		x		
56	Thanh toán quốc tế	x	x		x		x		
57	Quản trị tài chính quốc tế			x	x		x	x	
II.6.1	Quản trị Marketing								
58	Hành vi người tiêu dùng	x		x			x		
59	Quản trị bán hàng	x		x	x		x		
60	Quản trị kênh phân phối	x			x		x		
61	Marketing số	x		x	x		x	x	
62	Quản trị TT marketing	x		x			x		
63	Quản trị thương hiệu	x		x	x		x	x	

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2021

Trưởng Khoa



TS. Đỗ Văn Quang